

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản năm 2024 của
Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên (Mã ĐVSDNS: 1040148)

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KCN THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Văn phòng Ban.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản năm 2024 của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên. Niêm yết công khai tại Website của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chuyên môn có liên quan và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
 - Sở Tài chính (B/cáo);
 - Website BQL các KCN TN;
 - Lưu: VT, VP.
- NPT

TRƯỞNG BAN

Lê Kim Phúc

Bộ, tỉnh: Thái Nguyên

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND tỉnh Thái Nguyên

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên

Mã đơn vị:

Loại hình đơn vị:

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày / / của Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên)

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô			1.142.886	1.142.886	-	113.946							
1	Ô tô Toyota Fortuner 2.7 V 4x4 20A000.90		1	1.142.886	1.142.886		113.946	x						
II	Tài sản cố định hữu hình khác		0	7.644.686	7.644.686	-	2.241.917							
1.1	Máy móc, thiết bị văn phòng			2.745.045	2.745.045		345.223							
1	Bộ máy tính đồng nam á, máy in		1	11.400	11.400		-		x					
2	Bộ máy tính đồng nam á, máy in, lưu điện, loa vi tính		1	14.110	14.110		-		x					
3	Bộ máy tính LG, máy in		1	9.434	9.434		-		x					
4	Máy tính Asus K53E-SX691		1	14.720	14.720		-		x					
5	Máy tính xách tay Sony (BGD)		1	20.200	20.200		-		x					
6	Bộ máy tính đồng nam á, máy in, lưu điện, loa vi tính		1	14.110	14.110		-		x					
7	Máy tính Đồng Nam Á		1	6.480	6.480		-		x					
8	Máy tính Đồng Nam Á		1	9.850	9.850		-		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
9	Bộ máy tính đồng nam á, máy in, lưu điện, loa vi tính		1	14.110	14.110	-		x						
10	Máy tính đồng nam á		1	13.700	13.700	-		x						
11	Máy tính xách tay Asus K55		1	19.880	19.880	-		x						
12	Máy vi tính xách tay Dell		1	14.800	14.800	-		x						
13	Máy tính xách tay Sony Vaio Sev15125		1	20.950	20.950	-		x						
14	Máy vi tính Đông Nam Á		1	11.199	11.199	-		x						
15	Máy vi tính Đông Nam Á		1	13.700	13.700	-		x						
16	Máy vi tính Đông Nam Á		1	14.300	14.300	-		x						
17	Máy tính xách tay Sony		1	24.200	24.200	-		x						
18	Máy vi tính Đông Nam Á		1	7.899	7.899	-		x						
19	Máy vi tính Đông Nam Á		1	13.450	13.450	-		x						
20	Máy tính xách tay Dell 3450		1	13.000	13.000	0		x						
21	Máy tính xách tay Dell		1	16.830	16.830	0		x						
22	Máy tính xách tay Dell XPS 15-9530 Core i7 4712HQ 16Gb		1	31.669	31.669	0		x						
23	Máy tính xách tay HP		1	14.980	14.980	5.992		x						
24	Máy tính phục vụ tiếp nhận dữ liệu quan trắc		1	19.800	19.800	0		x						
25	Máy tính xách tay Asus K55 (BDA bàn giao sang)		1	9.900	9.900	0		x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
26	Máy vi tính (BDA bàn giao sang)		1	11.700	11.700		0		x					
27	Máy vi tính (BDA bàn giao sang)		1	13.550	13.550		0		x					
28	Máy vi tính (BDA bàn giao sang)		1	13.600	13.600		0		x					
29	Máy vi tính (BDA bàn giao sang)		1	23.900	23.900		0		x					
30	Máy in lazer đen trắng HP1320		1	5.480	5.480		0		x					
31	Máy chiếu panasonic PT-LB90NTEA		1	30.660	30.660		0		x					
32	Máy photo Fuji Xerox DCV 4070		1	88.320	88.320		0		x					
33	Hệ thống âm thanh hội trường		1	262.812	262.812		0		x					
34	Máy ảnh Canon EOS 1100D		1	18.535	18.535		0		x					
35	Máy ảnh canon SX270		1	9.750	9.750		0		x					
36	Máy ảnh Canon SX 60HS		1	10.659	10.659				x					
37	Âm ly		1	5.200	5.200				x					
38	Điều hòa 12.000BTU, LC-12TL11		1	54.300	54.300		6.788		x					
39	Điều hòa 12.000BTU, LC-12TL11		1	22.145	22.145		2.768		x					
40	Điều hòa nhiệt độ		1	9.714	9.714		0		x					
41	Điều hòa nhiệt độ		1	9.714	9.714		0		x					
42	Điều hòa nhiệt độ		1	9.714	9.714		0		x					
43	Máy điều hòa treo tường Funiki 18000 BTU		1	15.030	15.030		0		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
44	Máy điều hòa treo tường Funiki 18000 BTU		1	15.030	15.030		0		x					
45	Máy điều hòa treo tường Funiki 18000 BTU		1	15.030	15.030		0		x					
46	Máy điều hòa treo tường Funiki 18000 BTU		1	15.030	15.030		0		x					
47	Máy điều hòa treo tường Funiki 18000 BTU		1	15.030	15.030		0		x					
48	Máy điều hòa treo tường Funiki 18000 BTU		1	15.030	15.030		0		x					
49	Máy điều hòa treo tường Funiki 18000 BTU		1	15.030	15.030		0		x					
50	Máy điều hòa treo tường Funiki 18000 BTU		1	15.030	15.030		0		x					
51	Máy điều hòa treo tường Funiki 18000 BTU		1	15.030	15.030		0		x					
52	Điều hòa nhiệt độ		1	30.342	30.342		0		x					
53	Máy điều hòa Funiki FBA 18000 BTU liên doanh		1	15.764	15.764		0		x					
54	Máy điều hòa Funiki FBA 18000 BTU liên doanh		1	15.764	15.764		0		x					
55	Máy điều hòa âm tường Funiki 2400BTU		1	28.200	28.200		0		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
56	Máy điều hòa LG 9000 BTU liên doanh		1	7.955	7.955	0		x						
57	Máy điều hòa LG 9000 BTU liên doanh		1	7.955	7.955	0		x						
58	Điều hoà Nagakawa CS 9000 (model N1S-C09R2H10)		6	53.340	53.340	33.338		x						
59	Điều hoà tủ đứng Nishu 22000BTU		2	40.000	40.000	0		x						
60	Máy điều hoà treo tường Casper LC 12 TL11		1	12.998	12.998	1.625		x						
61	Máy điều hoà treo tường Casper LC 12 TL11		1	12.935	12.935	1.617		x						
62	Máy điều hoà treo tường Casper LC 12 TL11		1	12.935	12.935	1.617		x						
63	Máy điều hoà Nagakawa		2	12.419	12.419	0		x						
64	Máy điều hoà nhiệt độ 24000 BTU (BDA bàn giao sang)		1	30.172	30.172			x						
65	Điều hoà nhiệt độ 18000BTU (BDA bàn giao sang)		1	12.665	12.665	1.583		x						
66	Điều hoà nhiệt độ Aqua 9000 BTU (BDA bàn giao sang)		1	30.870	30.870	7.718		x						
67	Máy điều hoà không khí Mitsubishi		1	10.950	10.950	0		x						
68	Bàn làm việc sơn PU Đài Loan		1	10.450	10.450	0		x						
69	Ghế bọc da		1	5.060	5.060	0		x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng								
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
70	Bộ bàn ghế salon nhập ngoại Đài loan		1	7.850	7.850		0		x						
71	Bộ bàn ghế tiếp khách		1	7.267	7.267		0		x						
72	Bộ bàn ghế tiếp khách		1	7.267	7.267		0		x						
73	Bộ bàn ghế da		1	25.000	25.000		0		x						
74	Bộ bàn ghế salon		1	17.930	17.930		0		x						
75	Bộ bàn ghế sofa		1	27.234	27.234		0		x						
76	Bộ bàn ghế sofa		1	22.930	22.930		0		x						
77	Bộ bàn ghế salon		1	19.800	19.800		0		x						
78	Bộ bàn ghế tiếp khách		1	21.450	21.450		0		x						
79	Bộ bàn ghế tiếp khách		1	18.150	18.150		0		x						
80	Bộ bàn ghế tiếp khách		1	18.150	18.150		0		x						
81	Bộ bàn ghế tiếp khách		1	18.150	18.150		0		x						
82	Bộ bàn ghế tiếp khách		1	18.150	18.150		0		x						
83	Máy chiếu sony VPL - EX345 (gồm Máy chiếu, màn chiếu, giá đỡ máy chiếu, thiết bị hỗ trợ trình chiếu)		1	70.300	70.300		0		x						
84	Máy ảnh canon Eos 7000D		1	29.800	29.800		0		x						
85	Loa vali kéo tích hợp amply shupu MT-512		1	13.500	13.500		0		x						
86	Bàn họp		1	17.600	17.600		0		x						
87	Tủ tài liệu gỗ xoan đào phủ sơn màu cánh gián		1	19.250	19.250		0		x						
88	Bàn gỗ quỳ văn thư		1	11.400	11.400		0		x						
89	Hệ thống cửa sổ phòng làm việc		1	19.400	19.400		0		x						
90	Hệ thống cửa sổ phòng làm việc		1	17.018	17.018		0		x						
91	Hệ thống cửa phòng làm việc, cửa sổ		1	19.256	19.256		0		x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng								
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
92	Bàn lãnh đạo gỗ MDF chống ẩm Thái Lan phủ Melamine kích thước 2000x1000x750 (01		1	15.950	15.950		5.981		x						
93	Tủ tài liệu gỗ MDF chống ẩm Thái Lan phủ Melamine kích thước 2000x2400x400		1	20.350	20.350		0		x						
94	Bàn họp gỗ MDF chống ẩm Thái Lan phủ Melamine kích thước 4960x1765x750		1	37.400	37.400		14.025		x						
95	Tủ tài liệu MDF chống ẩm Thái Lan phủ Melamine kích thước 2000x2400x400		1	18.500	18.500		0		x						
96	Tủ đựng tài liệu		1	33.088	33.088		6.618		x						
97	Kệ tủ hồ sơ (BDA bàn giao sang)		1	34.243	34.243				x						
98	Tủ gỗ, ghế bọc da (BDA bàn giao sang)		1	48.070	48.070				x						
99	Tủ gỗ, Tủ sắt (BDA bàn giao sang)		1	43.780	43.780				x						
100	Tủ tài liệu 5 buồng ván ép MDF sơn PU Nhật (BDA bàn giao sang)		1	5.650	5.650				x						
101	Bình lọc nước Nhật Bản (BDA bàn giao sang)		1	7.800	7.800				x						
102	Bộ bàn ghế sofa (BDA bàn giao sang)		1	28.000	28.000				x						
103	Tủ tài liệu gỗ (KT 2,83 x 2,13) (BDA bàn giao sang)		1	22.303	22.303				x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
104	Bàn phụ gỗ (BDA bàn giao sang)		1	5.500	5.500			x						
105	Tủ gốc gỗ (BDA bàn giao sang)		1	7.700	7.700			x						
106	Bộ bàn ghế họp giao ban (01 bàn và 10 ghế tựa gỗ) (BDA bàn giao sang)		1	11.000	11.000			x						
107	Bàn tròn (BDA bàn giao sang)		1	96.800	96.800			x						
108	Quầy tiếp nhận hồ sơ (3,9m)		1	23.985	23.985	11.993		x						
109	Máy Scan HP 7000S3		1	22.800	22.800	4.560		x						
110	Máy in màu Epson L1800		1	13.750	13.750	2.750		x						
111	Máy tính để bàn Dell Vostro 3888+màn hình Dell 18,5		1	11.500	11.500	2.300		x						
112	Máy tính để bàn Dell Vostro 3888+màn hình Dell 18,5		1	11.500	11.500	2.300		x						
113	Máy tính xách tay ASUS		1	14.900	14.900	8.940		x						
114	Bàn họp 196*107*79 và 06 ghế		1	39.380	39.380	19.690		x						
115	Phòng họp không giấy (2023 có list các thiết bị kèm theo)		1	218.928	218.928	175.142		x						
116	Máy tính chuyên dụng phục vụ vận hành phần mềm 3D (CPQLDA gói thầu 3D)		1	34.850	34.850	27.880		x						
117	Đèn trang trí áp trần		1	10.000	10.000			x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1.2	Thiết bị đo lường, thí nghiệm			165.000	165.000		8.250							
	Thiết bị đo lường, thí nghiệm khác			165.000	165.000		8.250		x					
1	Thiết bị đo chất lượng nước đa chỉ tiêu		1	99.000	99.000		4.950		x					
2	Máy đo bụi Kanomaxn 3887		1	66.000	66.000		3.300		x					
1.3	Tài sản cố định hữu hình khác			4.734.641	4.734.641		1.888.444							
1	Cột tuyên truyền		30	479.876	479.876		131.966		x					
2	Bộ cửa cơ giãn inox		1	64.680	64.680		0		x					
3	Cửa ra vào cơ quan		1	17.954	17.954		0		x					
4	Nâng cấp hệ thống camera giám sát		1	60.000	60.000		37.500							
5	Lắp đặt bộ sung hệ thống camera 2019		1	82.650	82.650		30.994		x					
6	Hệ thống Camera (Camera BQL + Hệ thống Camera BQL) (BDA bàn giao sang)		1	126.999	126.999				x					
7	Đèn led ngoài trời tại KCN Sông Công II		1	2.287.243	2.287.243		857.716		x					
8	Cây sang		64	763.200	763.200		286.200		x					
9	Máy phát điện FADI		1	400.301	400.301		300.266		x					
10	Hệ thống loa truyền thanh thông minh trong KCN Sông Công II		1	161.835	161.835		121.376		x					
11	Hệ thống biên tuyên truyền tại KCN Sông Công II		1	99.902	99.902		74.926		x					

